

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày: 09-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Xuân Hoàng

Ông Đặng Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2019/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2019 và Thông báo chuyển phiên tòa số: 538/TB-TA ngày 16 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh H (Tên gọi khác: Giàng), sinh ngày: 19/5/1990, tại S, tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã U, huyện S, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Nguyễn A, sinh năm 1948. Mẹ: Tống Thị Đ, sinh năm 1955. Vợ: Phan Thị L, sinh 1989. Con: có 01 con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 25/9/2018. (Có mặt).

2. Nguyễn Xuân T, sinh ngày: 28/9/1994, tại Đắc Lắc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã P, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Nguyễn Xuân N, sinh 1970. Mẹ: Nguyễn Thị Y, sinh 1972. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 25/9/2018. (Có mặt).

** Người bị hại:*

1. Võ Thị Bích O, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

2. Lê Lạc G, sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Thôn C, xã I, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

3. Hà Thanh I, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

4. Lê Duy R, sinh năm: 1999; Nơi cư trú: Số 83/2 hẻm U, thị trấn LN, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị O anh G, anh I vắng mặt; anh R có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thùy M, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Số 83/2 hẻm U, thị trấn LN, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

2. Phạm Việt N, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: 20/4B UN, phường A, Quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trần Thị Hồng NH, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N, chị NH vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H và Nguyễn Xuân T là người không có nghề nghiệp. Trong khoảng thời gian từ ngày 24/8/2018 đến ngày 22/9/2018, H và T đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố R, tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Vụ 1: Vào ngày 21/8/2018, H rủ T đi từ thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố R, tỉnh Khánh Hòa để trộm cắp xe mô tô. T đồng ý. H mang theo bộ dụng cụ để phá khóa xe, T mang theo phích cắm điện dùng để mở khóa xe. Đến khoảng 16 giờ ngày 22/8/2018, H và T đi xe taxi ra khu vực biển Bãi Tây thuộc tổ dân phố N, phường CN, thành phố R để tìm xe trộm cắp. T thấy xe mô tô 79C1-302.70 của anh Hà Thanh I đang dựng ở bãi biển không có người trông coi. T đến dùng phích cắm điện mở khóa xe nhưng không được. Sau đó, T gọi điện cho H đến để mở khóa. H đến dùng phích cắm điện mở khóa xe rồi điều khiển xe bỏ đi. T đón xe khách về Bình Thuận rồi cả hai cùng về thành phố Hồ Chí Minh. H bán xe 79C1-302.70 trên mạng xã hội Facebook cho một người thanh niên không rõ lai lịch với giá 17.000.000 đồng. Sau đó, H và T chia nhau tiêu xài hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 148 ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R kết luận: xe máy hiệu Yamaha Exciter loại 150 phân khối, màu trắng đỏ, số máy: G3D4E244742, số khung: RLCUG0610GY231837, biển số: 79C1-302.70 trị giá 42.500.000 đồng.

Vụ 2: Khoảng 11 giờ ngày 01/9/2018, H rủ T đi ra thành phố R để trộm cắp xe. T không đồng ý. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày H đi xe khách từ Đồng Nai ra R để trộm cắp xe. Đến khoảng 15 giờ 40 phút ngày 02/9/2018, H đi bộ dọc

Bãi Tây thuộc tổ dân phố N, phường CN, thành phố R; H thấy xe mô tô 79Z1-348.78 của anh Lê Lạc G không có người trông coi. H đến dùng phích cắm điện mở khóa xe điều khiển về thành phố Hồ Chí Minh. H điện thoại nói cho T biết việc trộm cắp xe ở R và nhờ T bán giúp.

Đến khoảng 08 giờ ngày 03/9/2018, do ổ khóa xe bị hỏng nên H và T điều khiển xe mô tô 79Z1-348.78 đi thay ổ khóa xe. T biết xe mô tô 79Z1-348.78 do H trộm cắp được mà có nhưng thấy xe còn mới nên nói H bán lại với giá 16.000.000 đồng để sử dụng. H đồng ý. Đến ngày 04/9/2018, để có tiền trả cho H, T bán xe mô tô loại Yamaha Exciter màu xanh có gắn biển số 47B1-747.48 (xe không rõ lai lịch; biển số do T mua trên mạng xã hội Zalo cùng giấy đăng ký xe giả biển số 47B1-747.48). Sau đó, T bán xe Yamaha Exciter màu xanh có gắn biển số 47B1-747.48 cho một người không rõ lai lịch được 16.000.000 đồng. T đưa số tiền trên cho H. Số tiền trên H tiêu xài cá nhân hết. Đối với xe mô tô 79Z1-348.78 T lấy biển số 47B1-747.48 gắn lên để sử dụng, còn biển số 79Z1-348.78 T bỏ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 147 ngày 12/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: Xe máy hiệu Yamaha Exciter loại 150 phân khối, màu trắng đỏ, số máy: G3D4E485444, số khung: RLCUG0610HY464322, biển số: 79Z1-348.78 trị giá 45.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 04/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: ổ khóa điện của chiếc xe máy hiệu Yamaha Exciter loại 150 phân khối, màu trắng đỏ, biển số: 79Z1-348.78, trị giá 228.000 đồng.

Vụ 3: Ngày 22/9/2018, H đang ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai điện thoại rủ T ra thành phố R trộm cắp xe. T đồng ý. Khi đi H mang theo đoản và vạm để phá khóa xe. Đến khoảng 16 giờ ngày 24/9/2018, H rủ T ra khu vực Bãi Tây để trộm cắp xe. T đồng ý. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H thấy xe mô tô 79C1-326.97 của chị Võ Thị Bích O không có người trông coi nên đến dùng 01 chìa khóa xe mô tô và 01 đoản có gắn vạm đến phá khóa xe. Cùng lúc này T cũng đến dùng đoản phá có gắn vạm khóa 01 xe mô tô loại Sirius cách vị trí H đang lấy xe mô tô khoảng 20m thì T làm gãy vạm không lấy được xe. H khởi động được xe bị mọi người phát hiện truy hô. H điều khiển xe mô tô 79C1-326.97 theo hướng Đại lộ Nguyễn Tất Thành đi Quốc lộ 1A, T chạy bộ ra hướng đường Đại lộ Nguyễn Tất Thành đón xe về NT.

Sau đó, H điều khiển xe đi trên đường Tỉnh Lộ 9 lên Khánh Sơn thì bị phát hiện và thu giữ xe mô tô 79C1-326.97 và một số đồ vật liên quan khác. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/9/2018, T đón xe trốn lên thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì bị hiện phát hiện và thu giữ đồ vật liên quan.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 118 ngày 26/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: 01 xe mô tô hiệu SH mode màu đỏ đen, số máy JF51E0373349, số khung: 5111FY224363, biển số 79C1-326.97 trị giá 52.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 07/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: ổ khóa điện của chiếc xe SH Mode màu đỏ đen, biển số 79C1-326.97, trị giá 400.000 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Xuân T còn có hành vi trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

Vào ngày 15/9/2018, T cùng bạn gái (chưa rõ lai lịch) đi xe khách đến thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để chơi. Đến chiều ngày 16/9/2018, T nói bạn gái về trước còn T ở lại. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày T đi dạo tại khu vực Big C Đ thuộc tổ dân phố HĐ, phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng thì thấy 01 xe mô tô 49E1-438.17 của anh Lê Duy R, sinh 1999, trú 83/2 U, thị trấn LN, huyện R, tỉnh Lâm Đồng dựng trước khu vực bãi để xe ô tô của Siêu thị Big C. T đi đến giật dây điện dưới khóa xe đầu nối với nhau rồi điều khiển xe đi về thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, T đăng hình xe trên mạng xã hội Facebook bán cho người đàn ông (không rõ lai lịch) được 4.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 61 ngày 02/10/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận: xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu sơn đỏ đen, biển số: 49E1-438.17, trị giá 11.760.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng cuối tháng 7/2018, Nguyễn Xuân T cùng người tên Dũng (không rõ lai lịch) từ thành phố Hồ Chí Minh đến Đ trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ đen trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên chưa xác định cụ thể được địa điểm, chủ sở hữu xe mô tô, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thanh H có hành vi phá ổ khóa xe mô tô 79Z1-348.78 của anh Lê Lạc G gây thiệt hại 228.000 đồng; phá ổ khóa xe mô tô 79C1-326.97 của chị Võ Thị Bích O gây thiệt hại 400.000 đồng, tổng trị giá 628.000 đồng nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Đối với biển số xe 47B1-747.48 là của Phan Thị Minh Â, trú 203B G, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã xác minh hiện nay tại tuyến đường G không có địa chỉ như trên và không có ai tên Phan Thị Minh Â, sinh năm 1982 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực tuyến đường G nên chưa làm rõ được nguồn gốc của biển số xe máy 47B1-747.48, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSCR-HS ngày 27/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố bị cáo H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo H, T về điều khoản như trên của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo H; điểm c khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T; xử phạt bị cáo H từ 04 năm đến 05 năm tù, xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại I, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng NH đã nhận tiền bồi thường; người bị hại G, O, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan Phạm Viết N đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; đề nghị buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại R 11.760.000 đồng. Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) thanh đoản hình chữ L, bằng sắt, tròn nhãn hiệu LUCKY-USACR-V 8mm, hai đầu rỗng có khóa lục giác; 01 (một) thanh đoản nhỏ bằng sắt, hình chữ L, bên trên có ghi chữ M4, thân có sáu cạnh, một đầu dài 6,5cm, một đầu dài 2cm, màu đen, hai đầu hình lục giác; 01 (một) chiếc văm bằng sắt dài 7,2cm, bên trên có ghi chữ PH2, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) chiếc văm bằng sắt dài 6,9cm, bên trên có ghi chữ STANDARD ® PH3, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) chiếc văm dài 5,8cm bằng sắt, bên trên có ghi chữ KINGTONY PH.3, một đầu đặc hình lục giác, một đầu bị gãy xéo; 01 (một) chiếc văm bằng sắt dài 4,8cm, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) thanh tô vít bằng sắt, dài 7,6cm, một đầu đặc hình lục giác, một đầu có bốn cạnh để vặn ốc; 02 (hai) phích cắm, vỏ nhựa màu xanh, kích thước 1,5cm x 0,8cm, có gắn hai thanh kim loại; 01 (một) chiếc dao gấp bằng sắt, phần lưỡi dài 6,5cm, bên trên có ghi chữ USA, phần tay cầm dài 9,5cm, một bên có ốp bằng nhựa màu vàng - đen, bên trên có gắn la bàn; 03 (ba) thanh lục giác bằng kim loại màu xám, đã mài đẹp một đầu, trên thanh lục giác có chữ “PH.3”; 01 (một) thanh lục giác bằng kim loại màu xám, đã mài đẹp 01 đầu, đầu mài đẹp đã bị gãy, trên thanh lục giác có chữ “PH.3”; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L màu trắng xám (ống điều số 8) trên thanh kim loại có chữ “SUN”; 01 (một) cầu chì, trên phần nhựa có số 7.5; 01 (một) chìa khóa xe máy, trên phần nhựa màu đen có chữ Yamaha; 01 (một) giấy đăng ký xe số 195028, biển số 47B1-747.48. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 450.000 đồng đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9041629.00000 của Công an thành phố R tại Kho bạc nhà nước R. Trả lại cho bị cáo H 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng vàng mặt trắng, màn hình cảm ứng, số Imei 1: 866978038738654, số Imei 2: 866978038738647, đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo T 01 (một) chùm chìa khóa (gồm 01 chiếc chìa khóa hiệu Z - CON, 01 chiếc chìa khóa hiệu MAXPRO, 01 chiếc chìa khóa hiệu Key World); 01 (một) thẻ giữ xe bằng nhựa có chữ zeisie 324568; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 241439229; 01 (một) giấy phép lái xe số 790167251132; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số 9704151509069671; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 97040507528824366 đều tên Nguyễn Xuân T; 01 (một) chiếc ví da nam màu nâu, trên ví có chữ Polo, đã cũ, bên trong không có gì; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6S plus màu vàng hồng, model: A1687FCC, ID: BCG-E2946A, IC: 579C-E2946A, số Imei: 355736072933393, đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra

viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã T thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Vào ngày 08/5/2019 người bị hại Lê Duy R, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thùy M có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của các người tham gia tố tụng trên là có lý do chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các người bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chỉ vì cần tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ ngày 24/8/2018 đến ngày 22/9/2018, trên địa bàn thành phố R; H, T đã lợi dụng sự sơ hở của người khác lén lút nhiều lần thực hiện hành vi trộm tài sản, cụ thể H 03 lần trộm cắp tài sản của anh Hà Thanh I, anh Lê Lạc G và chị Võ Thị Bích O, tổng trị giá là 139.500.000 đồng; T 02 lần cùng H trộm cắp tài sản của anh Hà Thanh I và chị Võ Thị Bích O tại thành phố R và 01 lần trộm cắp xe mô tô của Lê Duy R tại thành phố Đ, tổng trị giá là 106.260.000 đồng. T biết rõ xe mô tô 79Z1-348.78 do H trộm cắp được tại R mà có nhưng đồng ý mua xe với giá 16.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo H có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; bị cáo T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Do đó, cáo trạng số 15/CT-VKSCR-HS ngày 27/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố các bị cáo H, T về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo H, T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền quản lý tài sản của người khác, xâm phạm đến an toàn công cộng và trật tự công cộng là những khách thể quan trọng được Luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoài nghi lẫn nhau trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo đều là thanh niên trong độ tuổi lao động nhưng không lương thiện làm ăn mà liên tiếp 03 lần thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo H là người chủ mưu, rủ rê bị cáo T 02 lần thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp 03 lần thực hành tội phạm; bị cáo T cũng là người thực hiện tội phạm tích cực, cụ

thể bị cáo 03 lần phạm tội, trong đó 01 lần trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, mức hình phạt của bị cáo H phải cao hơn bị cáo T.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bản thân bị cáo H từng tham gia nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại I, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng NH đã nhận tiền bồi thường; người bị hại G, O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Viết N đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, người bị hại R vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu bị cáo T bồi thường 20.000.000 đồng. Bị cáo T yêu cầu được bồi thường theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của người bị hại R là không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của người bị hại R. Do đó, buộc bị cáo T phải bồi thường cho người bị hại R 11.760.000 đồng.

[4] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) thanh đoản hình chữ L, bằng sắt, tròn nhãn hiệu LUCKY-USACR-V 8mm, hai đầu rộng có khóa lục giác; 01 (một) thanh đoản nhỏ bằng sắt, hình chữ L, bên trên có ghi chữ M4, thân có sáu cạnh, một đầu dài 6,5cm, một đầu dài 2cm, màu đen, hai đầu hình lục giác; 01 (một) chiếc vam bằng sắt dài 7,2cm, bên trên có ghi chữ PH2, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) chiếc vam bằng sắt dài 6,9cm, bên trên có ghi chữ STANDARD ® PH3, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) chiếc vam dài 5,8cm bằng sắt, bên trên có ghi chữ KINGTQNY PH.3, một đầu đặc hình lục giác, một đầu bị gãy xéo; 01 (một) chiếc vam bằng sắt dài 4,8cm, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) thanh tô vít bằng sắt, dài 7,6cm, một đầu đặc hình lục giác, một đầu có bốn cạnh để vặn ốc; 02 (hai) phích cắm, vỏ nhựa màu xanh, kích thước 1,5cm x 0,8cm, có gắn hai thanh kim loại; 01 (một) chiếc dao gấp bằng sắt, phần lưỡi dài 6,5cm, bên trên có ghi chữ USA, phần tay cầm dài 9,5cm, một bên có ốp bằng nhựa màu vàng - đen, bên trên có gắn la bàn; 03 (ba) thanh lục giác bằng kim loại màu xám, đã mài đẹp một đầu, trên thanh lục giác có chữ “PH.3”; 01 (một) thanh lục giác bằng kim loại màu xám, đã mài đẹp 01 đầu, đầu mài đẹp đã bị gãy, trên thanh lục giác có chữ “PH.3”; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L màu trắng xám (ống điều số 8) trên thanh kim loại có chữ “SUN”; 01 (một) cầu chì, trên phần nhựa có số 7.5; 01 (một) chìa khóa xe máy, trên phần nhựa màu đen có chữ Yamaha là những công cụ phạm tội nên căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) giấy đăng ký xe số 195028, biển số 47B1-747.48 là vật chứng không có giá trị sử dụng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy

- Số tiền 450.000 đồng đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9041629.00000 của Công an thành phố R tại Kho bạc nhà nước R là tài sản do phạm tội mà có của bị cáo H nên căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng vàng mặt trắng, màn hình cảm ứng, số Imei 1: 866978038738654, số Imei 2: 866978038738647, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo H.

- 01 (một) chùm chìa khóa (gồm 01 chiếc chìa khóa hiệu Z - CON, 01 chiếc chìa khóa hiệu MAXPRO, 01 chiếc chìa khóa hiệu Key World); 01 (một) thẻ giữ xe bằng nhựa có chữ zeisie 324568; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 241439229; 01 (một) giấy phép lái xe số 790167251132; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số 9704151509069671; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 97040507528824366 đều tên Nguyễn Xuân T; 01 (một) chiếc ví da nam màu nâu, trên ví có chữ Polo, đã cũ, bên trong không có gì; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6S plus màu vàng hồng, model: A1687FCC, ID: BCG-E2946A, IC: 579C-E2946A, số Imei: 355736072933393, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo T nên căn cứ vào khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo T.

[5] Về án phí:

Bị cáo H phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 588.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Thanh H.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 323, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Xuân T.

1. Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thanh H 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/9/2018.

Bị cáo Nguyễn Xuân T 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng

hợp hình phạt chung của cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 25/9/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Hà Thanh I, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Hồng NH đã nhận tiền bồi thường; người bị hại Lê Lạc G, Võ Thị Bích O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Viết N đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho người bị hại Lê Duy R 11.760.000đ (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) thanh đoản hình chữ L, bằng sắt, tròn nhãn hiệu LUCKY-USACR-V 8mm, hai đầu rỗng có khóa lục giác; 01 (một) thanh đoản nhỏ bằng sắt, hình chữ L, bên trên có ghi chữ M4, thân có sáu cạnh, một đầu dài 6,5cm, một đầu dài 2cm, màu đen, hai đầu hình lục giác; 01 (một) chiếc văm bằng sắt dài 7,2cm, bên trên có ghi chữ PH2, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) chiếc văm bằng sắt dài 6,9cm, bên trên có ghi chữ STANDARD ® PH3, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) chiếc văm dài 5,8cm bằng sắt, bên trên có ghi chữ KINGTQNY PH.3, một đầu đặc hình lục giác, một đầu bị gãy xéo; 01 (một) chiếc văm bằng sắt dài 4,8cm, một đầu đặc hình lục giác, một đầu nhọn; 01 (một) thanh tô vít bằng sắt, dài 7,6cm, một đầu đặc hình lục giác, một đầu có bốn cạnh dẹt vắn ốc; 02 (hai) phích cắm, vỏ nhựa màu xanh, kích thước 1,5cm x 0,8cm, có gắn hai thanh kim loại; 01 (một) chiếc dao gấp bằng sắt, phần lưỡi dài 6,5cm, bên trên có ghi chữ USA, phần tay cầm dài 9,5cm, một bên có ốp bằng nhựa màu vàng - đen, bên trên có gắn la bàn; 03 (ba) thanh lục giác bằng kim loại màu xám, đã mài dẹp một đầu, trên thanh lục giác có chữ “PH.3”; 01 (một) thanh lục giác bằng kim loại màu xám, đã mài dẹp 01 đầu, đầu mài dẹp đã bị gãy, trên thanh lục giác có chữ “PH.3”; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L màu trắng xám (ống điều số 8) trên thanh kim loại có chữ “SUN”; 01 (một) cầu chì, trên phần nhựa có số 7.5; 01 (một) chìa khóa xe máy, trên phần nhựa màu đen có chữ Yamaha; 01 (một) giấy đăng ký xe số 195028, biển số 47B1-747.48.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 450.000 đồng đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9041629.00000 của Công an thành phố R tại Kho bạc nhà nước R.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh H 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu hồng vàng mặt trắng, màn hình cảm ứng, số Imei 1: 866978038738654, số Imei 2: 866978038738647, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) chùm chìa khóa (gồm 01 chiếc chìa khóa hiệu Z - CON, 01 chiếc chìa khóa hiệu MAXPRO, 01 chiếc chìa khóa hiệu Key World); 01 (một) chiếc ví da nam màu nâu, trên ví có chữ Polo, đã cũ, bên trong không có gì; 01 (một) điện thoại di động hiệu Apple Iphone 6S plus màu vàng hồng, model: A1687FCC, ID: BCG-E2946A, IC: 579C-E2946A, số Imei: 355736072933393, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 04/5/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R)

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) thẻ giữ xe bằng nhựa có chữ zeisie 324568; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 241439229; 01 (một) giấy phép lái xe số 790167251132; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Vietinbank số 9704151509069671; 01 (một) thẻ ATM ngân hàng Agribank số 97040507528824366 đều tên Nguyễn Xuân T (Các tài sản này được lưu giữ trong hồ sơ vụ án tại Tòa án nhân dân thành phố R).

4. Về án phí:

Bị cáo H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 588.000đ (Năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các người bị hại Hà Thanh I, Lê Lạc G, Võ Thị Bích O, Lê Duy R; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thùy M, Phạm Viết N, Trần Thị Hồng NH có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quy định:

Kể từ ngày người bị hại anh Lê Duy R có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường, nếu bị cáo Nguyễn Xuân T không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- Công an t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công